TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST Ngày 09/8/2022 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Quỳnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lý**

Bà **Võ Thị Bời**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Phương Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Trưng** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 940/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ L –** Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Tổ xx VĐT, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn M** − Sinh năm: 1972

Địa chỉ: Tổ xx VĐT, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thành phố N năm 1998.

Trong thời gian chung sống với nhau, giữa bà và ông M phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông M thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc, số đề, không chung thủy và còn có những lời lẽ xúc phạm bà. Bà đã nhiều lần tha thứ nhưng ông M không thay đổi. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà và ông M có 02 con chung là Nguyễn Hữu Ph, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2008 và Nguyễn Hữu L1, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1998. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Ph đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu L1: Cháu L1 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ chung, tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn Nguyễn Văn M trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng nhỏ nhặt, ông vẫn còn yêu thương vợ con nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà L có 02 con chung là Nguyễn Hữu Ph, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2008 và Nguyễn Hữu L1, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1998. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L thì ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Ph và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Văn M; về con chung: giao cháu Nguyễn Hữu Ph, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2008 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi cháu Ph do bà L không yêu cầu, đối với cháu Nguyễn Hữu L1, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1998 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn M cư trú tại thành phố N, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh

Khánh Hòa theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/1998 ngày 14 tháng 5 năm 1998 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy: Bà L và ông M đều thừa nhận quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh những mâu thuẫn khiến cho tình cảm vợ chồng rạn nứt. Bà L xác định không còn tình cảm với ông M và kiên quyết yêu cầu ly hôn. Ông M mặc dù có ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng khi được Tòa án triệu tập để tham gia các phiên họp hòa giải, phiên tòa thì vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ ông M không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không tha thiết đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc với bà L. Như vậy có thể thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông M đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà L và ông M có 02 con chung là Nguyễn Hữu Ph, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2008 và Nguyễn Hữu L1, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1998. Xét thấy: Cháu Nguyễn Hữu L1 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu Ph: Cháu Ph có nguyện vọng được sống chung với bà L nếu bà L và ông M ly hôn. Do đó, cần giao cháu Ph cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhằm đảo bảo quyền lợi của con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn ông Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu Ph, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2008 cho bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi cháu Phúc do bà L không yêu cầu. Đối với cháu Nguyễn Hữu L1, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1998 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Nguyễn Văn M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục concủa người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000807 ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Nguyễn Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP Nha Trang;
- Chi cục THADS TP Nha Trang;
- UBND xã V
(GCNKH số 13 ngày 14/5/1998);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Quỳnh Trang